

NGUYỄN THÁI HÒA*
HUỖNH THỊ THỦY TRANG**

BIẾN ĐỔI TRONG MỘT SỐ TẬP TỤC CỦA NGƯỜI HOA Ở HỘI QUÁN ÔN LẶNG, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tóm tắt: Trải qua mấy trăm năm định cư trên vùng đất mới, cộng đồng người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh vẫn bảo lưu được nhiều tập tục văn hóa của cộng đồng mình. Song, như một lẽ tất yếu, những tập tục này đã có những biến đổi so với ở Trung Quốc trước đây do nhiều tác động của bối cảnh văn hóa - xã hội, môi trường - khí hậu, hoàn cảnh kinh tế, nhận thức, ... Bài viết của chúng tôi nghiên cứu chủ yếu ở hội quán Ôn Lăng, với sự biến đổi trong một số tập tục: “Quan Âm khai khổ”, “Đánh tiểu nhân” và “Khoác áo Thần Tài” thông qua việc khảo sát, phỏng vấn và khảo cứu tư liệu.

Từ khóa: Biến đổi; văn hóa; tín ngưỡng; người Hoa; Thành phố Hồ Chí Minh.

Dẫn nhập

Hội quán Ôn Lăng tọa lạc tại số 12 Lão Tử, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Người Hoa còn gọi hội quán này là chùa Bà Ôn Lăng vì trong hội quán có điện thờ Thiên Hậu Thánh mẫu. Tuy nhiên, tên gọi phổ biến nhất hiện nay là chùa Quan Âm, vì ở đây có bàn thờ khá lớn thờ Bồ tát Quan Âm, thu hút rất nhiều thiện nam tín nữ đến cúng bái. Bên cạnh đó, nơi đây còn thờ các vị Ngọc Hoàng Đại Đế, Chúa Sinh Nương Nương, Phúc Đức Chính Thần, Quan Thánh Đế Quân, Thần Tài, ...

Về thời gian xây dựng hội quán, cho đến nay vẫn chưa tìm được nguồn tài liệu nào cho biết rõ. Nhưng theo nội dung văn bia lập năm

* Khoa Di sản văn hóa, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

** Văn phòng đại diện Báo Văn hóa - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 02/7/2021; Ngày biên tập: 27/7/2021; Duyệt đăng: 17/8/2021.

1869, thì người xưa lập hội quán để bàn việc công, thờ thần và qua sự cúng tế mà tương trợ đồng hương, chinh đốn phong tục.

Qua hơn hai trăm năm tồn tại, hội quán Ôn Lăng là một di tích bao hàm nhiều ý nghĩa lịch sử, văn hóa. Tuy nhiên giá trị nổi bật của di tích là giá trị về kiến trúc nghệ thuật. Đến nay, Hội quán Ôn Lăng vẫn còn giữ được cấu trúc kiến trúc độc đáo tạo vẻ cổ kính, thanh thoát, nổi bật giữa cảnh quan đô thị. Với những giá trị tiêu biểu như vậy, Hội quán Ôn Lăng đã được Bộ Văn hóa - Thông tin ra quyết định công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia năm 2002.

1. Một số tập tục biến đổi ở hội quán Ôn Lăng

1.1. Tập tục “Quan Âm khai khó”

Trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc, Quan Âm được xem là vị Bồ tát toàn năng, “tập đại thành”. Vì vậy, bên cạnh việc tụng bái Quan Âm với công đức cứu khổ cứu nạn, thì dân gian còn lấy việc thờ phượng Quan Âm là thần Tài, qua việc mỗi năm đều có tổ chức tập tục “Quan Âm khai khó”. Liên quan đến tập tục này, có nhiều truyền thuyết khác nhau, nhưng phổ biến nhất là 3 câu chuyện sau:

1. Thời Quan Âm còn tu đạo, có 500 vị Hộ pháp La hán vì muốn thử thách pháp lực của Quan Âm Đại sĩ nên đã hóa thành hòa thượng, đến miếu Quan Âm hóa duyên, xin cơm. Quan Âm từ trước đã được biết đến là người có lòng từ bi, hướng thiện, nên khi thấy các vị hòa thượng liền mở rộng kho, cung cấp cho họ đầy đủ thức ăn, vật phẩm. Sau khi các vị hòa thượng ăn xong, thì phân phát cho người nghèo. Từ đó về sau, hằng năm cứ đến ngày này là ngày “Quan Âm khai khó”.

2. Có một chàng thanh niên lên núi cúng bái Quan Âm, nhưng vì người hành lễ quá đông nên không chen vào được. Anh bèn nằm nghỉ tại sườn núi, trong lúc ngủ thì mơ thấy Bồ tát cho anh ta mượn tiền kinh doanh và rất phát tài, khi tỉnh dậy đã là nửa đêm. Trở về, anh ta kinh doanh quả thật rất phát đạt, thịnh vượng, tiền vào như nước, tiếng lành đồn xa. Về sau, mọi người lấy ngày anh ta nằm mơ (26 tháng Giêng) làm ngày “Quan Âm khai khó”.

3. Tương truyền vào thời xa xưa, có một vùng đất bị hạn hán, người dân không thu hoạch được lúa gạo, nhà nhà chịu cảnh đói khát

khô sởi, đột nhiên vào ngày 26 tháng Giêng xuất hiện một thiếu nữ vác hai túi gạo và tiền đến từng nhà một để phát cho mọi người. Kỳ lạ thay, tuy phát gần hết cả một làng nhưng túi gạo và tiền vẫn không thấy vơi bớt. Sau khi phát xong, thiếu nữ mỉm cười vẫy tay chào mọi người và biến mất vào cõi hư không, sau đó trên bầu trời xuất hiện một vị Bồ tát chấp tay mỉm cười nhìn mọi người. Đến lúc này, mọi người mới vỡ lẽ rằng cô thiếu nữ vừa phát gạo và tiền chính là Quan Âm Bồ tát xuất hiện cứu giúp. Chính vì vậy, từ đó về sau, vào đúng ngày 26 tháng Giêng hàng năm, dân chúng lại nô nức tụ tập về các miếu thờ Quan Âm để cùng tổ chức lễ hội Bà Quan Âm mở kho tiền¹.

Những hoạt động trong ngày này ở Trung Quốc, được Lưu Cư Thượng ghi chép trong *Trung Sơn văn sử* ở mục 52 như sau:

“Ngày tổ chức “Quan Âm khai khó”, các thiện nam tín nữ muốn cầu tài thì nửa đêm canh ba đến trong miếu yên lặng xếp hàng, tóc búi cao, đốt hương. Sau đó thò tay vào trong gian thờ thần của Quan Âm tìm kiếm một tập giấy, trên đó viết hoặc nhiều hoặc ít kim ngạch (mức tiền), lúc đó là Quan Âm cho họ mượn “vốn ban đầu”, dựa vào tiền vốn mà Bồ tát cho mượn đó, năm đó chắc có thể đại cát đại lợi phát đại tài. Mượn thì đương nhiên phải có trách nhiệm trả, ngày này năm thứ hai thì phải đến miếu, ở đó cung thỉnh một tờ “chi phiếu” như vậy rồi hoàn trả lại vào gian thờ thần. Lúc này tất phải báo đáp ơn thần và lên hương dầu”².

Lễ vật gồm có: nhang, nến, áo Quan Âm, tiền giấy, trà, nước; ngũ quả: chuối (chiêu tài), nho (phú quý), cam (tất cả mong muốn đều thành sự thật), dứa/thơm (tài vượng), quýt (cát tường, lợi lạc) hoặc các loại khác tùy tâm. Sau khi bái lạy thì dâng hương, nến và niệm chú Quan Âm, có thể 18 lần hoặc 108 lần. Cầu mong được sự bảo hộ, sức khỏe, tài vận hanh thông, mua may bán đắt,...

Ngoài tập tục “Quan Âm khai khó” kể trên, trong dân gian Trung Quốc còn diễn ra một tập tục khác, gọi là “Sinh Thái hội” hay “Sinh Tài hội”, được tổ chức vào ngày 26 tháng Giêng. Nhưng so với tục “Quan Âm khai khó”, thì tập tục này ít phổ biến, nhưng nội dung và ý nghĩa của lễ thì phong phú hơn, đó là: cầu tài, cầu con, tích phúc, cầu mong sự bình an, sức khỏe, cầu cho gia tộc phồn vinh, thịnh

vượng,... Trong khi đó, nội dung chủ yếu của “Quan Âm khai khó” chỉ là cầu tài.

Các hoạt động trong “Sinh Thái hội”, bao gồm: mượn tiền Quan Âm, Quan Âm xuất du, diễn kịch, múa lân,... và đặc biệt là tập tục ăn món “bánh (cải) xà lách”. Xà lách trong tiếng Hoa là “生菜”, có ý là sinh tài. Món bánh này với nguyên liệu chủ yếu là: xà lách, thịt nghêu, hẹ, với hàm ý: trong chữ “xà lách”, có chữ “sinh”, là tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở, có (đường) hướng sinh tài; thịt nghêu “蜆肉” thì có nhiều chất béo, tượng trưng cho việc phát tài, tục gọi là “Phát tài hiển nhục”, hoặc “Hiển nhục đại phát”; còn hẹ là “韭菜”, trong đó chữ 韭 (Cửu) đồng âm với 久 (Cửu) có nghĩa là lâu dài, vì thế mà hẹ ở đây tượng trưng cho sự trường cửu. Do vậy, ý nghĩa của món bánh này là: “sinh tài, phát tài, trường cửu”.

Theo quan niệm dân gian, việc ăn bánh xà lách thể hiện hi vọng của con người và tài vật đều hưng thịnh, phát đạt và lâu dài. Thế nên, ăn càng nhiều, thì phát tài càng nhiều. Ngoài ra, ăn bánh xà lách còn liên quan đến tâm lý chia sẻ thức ăn cho mọi người và mọi vật cùng thụ hưởng, để cầu mong được thần Phật phù hộ, độ trì.

Ở hội quán Ôn Lăng, theo tìm hiểu của chúng tôi, để chuẩn bị cho ngày “Quan Âm khai khó”, từ trước đó Ban Quản trị hội quán đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, chuẩn bị chu đáo mọi công việc, đặc biệt là lễ vật và tiền để người dân đến thỉnh lộc và vay tiền.

Trong đêm ngày 25, rạng sáng ngày 26 tháng Giêng, các thành viên trong Ban Quản trị sẽ dâng hương, lễ vật chay lên Quan Thế Âm Bồ tát. Sau đó, các thành viên sẽ tổ chức và hướng dẫn người dân đến lễ bái Quan Âm. Vì vào thời gian này, thường có hàng trăm, hàng ngàn người với đủ mọi thành phần, đủ mọi lứa tuổi không chỉ là người Hoa mà còn có cả người Việt đến đây “mượn tiền” hoặc “báo đáp ơn thần”. Vì vậy mà Ban Quản trị chỉ lên hương và lễ vật, chứ không thực hiện nghi thức cúng tế.

Nhưng từ năm 2007 đến nay, tập tục “mượn tiền” ở Ôn Lăng hội quán đã có những thay đổi. Nếu như trước đây, người dân có thể đến “mượn tiền” và ngày này năm sau mới phải “trả tiền”, thì hiện nay,

Ban quản trị đã chuẩn bị sẵn các túi “lộc”, trong đó có: 2 trái quýt, 2 phong bao có tiền (số tiền rất nhỏ, mang tính chất tượng trưng), 1 tờ quý nhân, 1 tờ quý nhân bốn phương. Người nào muốn thỉnh lộc, thì phải trả lại cho Hội quán một số tiền tương ứng. Như vào ngày 26 tháng Giêng năm Canh Tý (2020), Hội quán đã chuẩn bị gần 4.000 phần lộc³, với giá mỗi phần là 30.000 đồng, nhưng vẫn không đủ cho người dân đến thỉnh.

Giải thích về việc thay đổi này, một thành viên Ban Quản trị cho biết có 2 nguyên nhân chính: *Thứ nhất*, trước đây, để tổ chức tập tục “vay tiền”, Ban Quản trị phải trích kinh phí từ nguồn quỹ của hội quán. Dù số tiền cho mỗi người “vay” là rất nhỏ, nhưng lại có hàng ngàn người đến vay nên cộng lại sẽ là khá lớn. Và trong số những người đã vay đó, lại “quên” không trả, qua thời gian, kinh phí của hội quán sẽ không đủ để hoạt động. *Thứ hai*, việc thay đổi như hiện nay, tức là người dân thỉnh lộc và phải trả lại ngay một số tiền tương ứng hoặc nhiều hơn tùy tâm, sẽ giúp cho hội quán có thêm kinh phí để thực hiện các hoạt động từ thiện. Nói chung, người dân đến thỉnh lộc rất vui vẻ, hưởng ứng với cách làm này, và nếu năm đó mà phát tài phát lộc, thì họ cũng sẽ đến báo đáp ơn thần rất hậu hĩnh⁴. Có lẽ cũng vì thế mà món bánh xà lách trong “Sinh Thái hội” không còn ai làm nữa, mà thay vào đó chỉ là các loại bánh lá hẹ, bánh củ sắn,...⁵.

1.2. Tập tục “Đánh kẻ tiểu nhân”

Là một trong những tập tục có truyền thống lâu đời của người Trung Quốc, “đánh kẻ tiểu nhân” được cộng đồng người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn lưu truyền gìn giữ, với ý nghĩa cầu may, cầu phúc và xua đuổi những điều xui xẻo, những “kẻ tiểu nhân” đi theo quấy rối bên mình. Nhưng hiện nay, tập tục này đang ngày càng biến đổi và mang tính vụ lợi của những người khấn thuê, cúng mướn.

Điểm khác biệt của một buổi lễ thực hành tập tục này so với những tập tục khác là người hành lễ sẽ dùng giày hoặc dép đập liên tiếp vào những hình nhân bằng giấy tượng trưng cho những “kẻ tiểu nhân” nhằm xua đuổi cái xấu, cầu mong những điều tốt đẹp trong cuộc sống... cùng với một số lễ kèm theo.

Theo quan niệm của người Trung Quốc, tập tục “đánh tiểu nhân” thường diễn ra vào ngày Kinh trập, đây cũng là ngày vía của thần Bạch Hổ. Kinh trập là một trong hai mươi tư tiết khí của các lịch Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên. Ngày bắt đầu tiết Kinh trập thường diễn ra vào khoảng ngày 5 hay 6 tháng 3 dương lịch. Dân gian quan niệm rằng, vào ngày này các loại côn trùng, sâu bọ và những điều xấu xa - “tiểu nhân” đều thức tỉnh và làm hại con người. Vì vậy cần phải “đánh” để tránh “tiểu nhân” làm hại. Lễ vật thường thấy là hương, đèn, giấy tiền, hình nhân... Người muốn “đánh tiểu nhân” sẽ ghi tên tuổi của mình, và tốt nhất là thêm một món đồ như quần, áo... và sau khi khấn vái tên tuổi của mình thì dùng giấy tiền “quạt” lên món đồ hoặc lên người nhằm mục đích xua đuổi sâu bọ, xua đuổi những điều xấu xa, những kẻ “tiểu nhân” muốn làm hại. Cuối nghi thức, người “đánh tiểu nhân” sẽ bỏ hình nhân xuống nền đất rồi dùng dép đánh vào đó, vừa đánh vừa cầu khấn thần Bạch Hổ... Tập tục này thường đi theo các bước như: bái thần, bằm cáo, đánh tiểu nhân, tế Bạch hổ, hóa giải, cầu phúc, tiến bảo, bốc quẻ cầu may.

Đối với cộng đồng người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, tập tục “đánh tiểu nhân” có thể diễn ra bất cứ ngày nào. Như ở Hội quán Ôn Lăng, có cả dịch vụ “đánh tiểu nhân” thuê. Đây là nơi tập trung đông đảo nhất những người khấn thuê, cúng mướn.

“Vào những ngày cao điểm nhất, nơi đây có đến vài chục người, những ngày thường lúc nào cũng có gần chục người luôn “hỗ trợ” nhu cầu “đánh kẻ tiểu nhân” của người dân. Phần lớn họ là những phụ nữ bán nhang và đồ cúng trước cổng chùa, khi người dân đến viếng thì luôn được mời chào mua đồ cúng và dẫn vào chùa để thực hiện các nghi lễ. Thông thường, tùy theo dịch vụ mà giá cả khác nhau, từ hơn trăm nghìn đồng đến vài trăm nghìn đồng như “gói” cầu an chuyên vận, cầu duyên, cầu tài, cầu con... kèm với “đánh kẻ tiểu nhân”. Mỗi nghi lễ thực hiện cho một người kéo dài khoảng 5 phút. Trong những ngày cao điểm, những người này thực hiện cúng mướn cho hàng chục người, ngồi hành lễ chật kín các khu vực của ngôi chùa”⁶.

Trong đợt khảo sát bằng phương pháp quan sát tham dự tập tục “đánh kẻ tiểu nhân” vào tháng 2 năm 2019, chúng tôi được một người

cúng mướn khoảng 50 tuổi dẫn vào hội quán với bộ đồ cúng mua ngay tại cổng giá 120.000 đồng và tiền cúng là 80.000 đồng cho mỗi người. Sau khi đọc tên và địa chỉ để người cúng ghi vào đồ hành lễ, chúng tôi được người này dẫn đến khu vực thờ ông Hổ để thực hiện các nghi thức theo hướng dẫn, như đốt nhang, khăn vái, té Bạch hổ, đốt giấy⁷... trong đó đáng chú ý nhất là cởi giày dép ra đập vào các hình nhân - tượng trưng cho “những kẻ tiểu nhân” đang theo quây rối, dép trái đập 8 cái và dép phải 7 cái cho đến khi các hình nhân kia tan tát, đại ý thâm tím mình mẩy, để chắc rằng “kẻ tiểu nhân” đã bị bịt kín miệng, không thể hại người,...

Khi kết thúc tập tục “đánh kẻ tiểu nhân”, chúng tôi ngỡ ý muốn cúng thêm những nội dung khác, người cúng liền báo một giá mới rồi chỉ vài phút sau đã có ngay bộ cúng mới và nhanh chóng thực hiện các phần niệm chú, cầu khẩn đã thuộc lòng. Khi được hỏi những bài cúng như vậy lấy từ đâu và liệu có linh ứng không, người này trả lời rằng: “Bài cúng này là dùng chung hết thầy cho các ‘thầy cúng’ ở đây, nếu như không linh thì làm sao người ta đến chùa đông như vậy? Tôi làm cúng mướn ở đây mấy năm rồi, mỗi năm càng có nhiều người đến cúng hơn, chứng tỏ người ta rất tin”⁸.

Theo lời ông H.T.C, “Hội quán đã nhiều lần nhắc nhở người dân có thể tự thực hiện nghi thức này theo hướng dẫn của những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm trong hội quán, tránh để những người cúng thuê bày vẽ vừa tốn kém mà làm cho tập tục bị biến đổi, mất đi ý nghĩa. Hội quán cũng đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương và có ra bảng thông báo treo ở cổng cấm người cúng thuê, cúng mướn vào hành nghề nhưng chỉ được một thời gian thì những người này lại vào hành nghề, không thể dẹp hết được”⁹.

Nhìn chung, tập tục “đánh kẻ tiểu nhân” ở hội quán Ôn Lăng hiện nay đơn giản hơn rất nhiều so với trước đây và bị những người khoán thuê cúng mướn lợi dụng để trục lợi. Chưa kể, có những người muốn “đánh tiểu nhân” nhưng không phải “đánh” vào những điều xấu xa, xui rủi mà “đánh” trực tiếp vào tên tuổi của những người cụ thể mà họ va chạm trong cuộc sống, hay những đối thủ trong làm ăn kinh doanh... Chính những điều này đã làm mất đi ý nghĩa tốt đẹp của tập tục.

1.3. Tập tục “Khoác áo Thần Tài”

Thần Tài ở đây là Thần Tài âm phủ hay còn gọi là quỷ Vô thường, Thần Tài địa phương... Trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc, quỷ Vô thường là quỷ có địa vị rất thấp dưới âm phủ, nhưng là nỗi khiếp sợ của con người ở trần gian. Do vậy, dân gian cho rằng, những người nào phạm phải tội ác hay lúc hấp hối, sắp chết thì Diêm Vương sẽ phái quỷ Vô thường đi câu hồn. Và linh hồn của những người này, một khi đã bị câu đi thì sẽ cầm chắc cái chết. Vì vậy, từ xa xưa quỷ Vô thường, cũng được gọi là “quỷ câu hồn”. Hình dáng của quỷ, được dân gian miêu tả là vô cùng đáng sợ: toàn thân mặc đồ đen hoặc trắng, đầu đội mũ rất cao, tóc dài, miệng thè lưỡi đỏ dài, và di chuyển bằng cách nhảy.

Quỷ Vô thường có rất nhiều loại: Hắc Vô thường, Bạch Vô thường, Nữ Vô thường, Tiểu Vô thường, Ngũ Vô thường... Nhưng trong dân gian Trung Quốc, phổ biến thờ phụng Hắc Vô thường và Bạch Vô thường. Điểm khác biệt giữa hai quỷ Vô thường này là: Hắc Vô thường mặc đồ đen, đầu đội mũ ống cao có ghi bốn chữ: “Thấy ta là chết” hoặc “Thiên hạ thái bình”, còn Bạch Vô thường, mình mặc đồ trắng, đầu đội mũ ống cao có ghi bốn chữ: “Thấy ta là phát tài” hoặc “Thấy ta là vui”. Đây cũng chính là lý do tại sao trong hai quỷ Vô thường này, thì Bạch Vô thường lại được dân gian sùng bái hơn cả.

Liên quan đến việc sùng bái quỷ Vô thường, từ xa xưa ở Trung Quốc đã hình thành nên nhiều phong tục. Như ở vùng Giang Chiết (bao gồm hai tỉnh Giang Tô và Chiết Giang), các ông bố bà mẹ thường sợ con cái khó nuôi, cho nên đã gửi gắm quỷ Vô thường, tục gọi là “Bố nuôi”. Do quỷ Vô thường là người được Diêm Vương sai đi câu hồn những người chết, cho nên “những đứa trẻ được gửi nuôi thường được mang tên Vô thường”. Và hẳn nhiên, quỷ Vô thường không thể câu hồn những đứa trẻ nhận mình làm cha, vì thế mà ngày xưa cũng gọi tục này là “Trường thọ”.

Lễ tục cúng gửi là bố mẹ của những đứa trẻ may một bộ áo trắng mới, mang đến phủ Diêm Vương và thay áo cho Vô thường, kèm theo những lễ vật: rượu trắng, bánh nướng, nến thơm, bạc thỏi. Sau đó các vị chủ trì ở miếu sẽ ghi tên những đứa trẻ được gửi vào danh sách. Về

sau, cứ đến tháng 7 hàng năm, bố mẹ thường đưa những đứa trẻ này đến để cúng bái bố nuôi, cho đến năm 16 tuổi.

Ở Thụy An, Ôn Châu tương truyền quý Vô thường có thể chữa bệnh một cách linh nghiệm. Những người mắc bệnh, đến cầu xin quý Vô thường, lập tức hiệu nghiệm ngay. Do đó ở đây, hương khói rất thịnh và người dân hàng năm đều tổ chức lễ hội Vô thường để cầu mong bình an cho 4 mùa. Ngày 3 tháng 3 âm lịch là ngày mà tất cả những người bị bệnh muốn được khỏi bệnh, đều hóa trang thành Vô thường rồi vào miếu đốt hương. Sau đó họ sẽ đi diễu hành, trên người họ có rất nhiều tiền giấy, khuôn mặt thì vẽ nhiều màu sắc, đầu đội mũ nhọn, cao, có ghi dòng chữ “Nhất kiến đại cát”¹⁰.

Trước đây, ở tỉnh Phúc Kiến cũng tiến hành lễ rước tượng quý Vô thường đi khắp nơi. Còn ở Giang Nam, quý Vô thường sẽ do con người hóa trang, xuất hiện với vai trò làm trò cười cho mọi người vui vẻ... Lễ hội này khiến cho người dân cảm thấy rất thoải mái, vui nhộn và họ tin rằng, năm đó sẽ phát tài, đại cát...

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, trước đây chỉ có Ngọc Hoàng điện (hay còn gọi là chùa Phước Hải) thờ thần Tài Âm phủ, nhưng càng về sau, tục thờ vị thần này đã xuất hiện trong nhiều chùa miếu khác của người Hoa¹¹. Có thể kể đến như: Quảng Triệu hội quán (quận 1), Tam Sơn hội quán (quận 5), Hà Chương hội quán (quận 5), Ôn Lăng hội quán (quận 5). Lý do của sự “lan rộng” này, bên cạnh tập tục truyền thống vốn đã có từ cổ hương, thì chắc hẳn không ngoài mục đích đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân về cầu tài, cầu lộc: “... lúc đầu chỉ có những người có máu đỏ đen mới đến cầu nguyện xin lộc vị thần tài này. Thế nhưng, khi kinh tế thị trường phát triển thì số người tin tưởng Bạch Vô thường nhiều hơn”, bởi “việc cạnh tranh trên thương trường cũng gay go, may rủi như người trong sông bạc”¹².

Qua những khảo sát tại hội quán Ôn Lăng, chúng tôi nhận thấy rằng Thần Tài âm phủ được thờ chung với Mã tướng quân. Thần có kích thước nhỏ hơn so với người thật, tay phải cầm quạt, tay trái đưa lên ngang bụng, đầu đội mũ ống cao có ghi bốn chữ “Nhất kiến phát tài”. Điều đáng chú ý là sắc thái trên khuôn mặt “hiền”, gần gũi với con người chứ không dữ tợn, đáng sợ như đã mô tả trong các tài liệu của Trung Quốc.

Còn về nghi thức cầu tài lộc, khoác áo cho thần, thì cả nam và nữ đều có thể tiến hành, miễn là tuổi của họ trong năm đó phù hợp. Lễ vật cầu cúng rất đơn giản (trong đó có tấm vải trắng), được bày bán sẵn ở trước cổng hội quán. Phần nghi lễ chủ yếu cũng do những người khấn thuê, cúng mướn hướng dẫn với việc đọc bài khấn bằng phương ngữ Phúc Kiến, còn người đến cầu chỉ việc quỳ lạy. Thời gian diễn ra nghi lễ trong khoảng mười phút và kết thúc lễ là khoác áo cho thần, trên áo phan trước ngực, sẽ dán thêm mảnh giấy màu đỏ, ghi tên người vừa cầu khấn, kết thúc lễ còn có nghi thức gieo quẻ âm dương.

2. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra qua việc biến đổi một số tập tục của người Hoa

2.1. Thay đổi về nhận thức và môi trường sống

Việc thay đổi nhận thức, môi trường sống của những người trong Ban quản trị hội quán lẫn cộng đồng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi của các tập tục. Điển hình như, nếu ở Trung Quốc việc khoác áo trắng cho thần là để cầu xin giải hạn hay cầu quý Vô thường làm “Bố nuôi” cho con trẻ, thì cộng đồng người Hoa ở Việt Nam, chủ yếu xem việc khoác áo trắng cho thần là để cầu tài cầu lộc. Ngoài ra, có thể dễ dàng nhận thấy hình tượng vị thần được thờ ở hội quán Ôn lăng có nhiều khác biệt so với những gì đã được miêu tả, cũng như trong thực tế tại nhiều địa phương khác ở Trung Quốc. Cụ thể là, thần có hình dáng “hiền” hơn, “con người” hơn chứ không dữ tợn với hình dáng thấp, mập, mắt to, mũi to, râu tóc dài,... Sự biến đổi này, rất có thể là chủ ý của cộng đồng người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh khi muốn “nhân cách hóa” hình dáng vị thần này để có thể gần gũi hơn, dễ dàng hơn trong việc hòa nhập với nền văn hóa bản địa.

2.2. Sự tái tạo, bổ sung theo quy luật

Sự tái tạo, bổ sung hay còn gọi là sáng tạo truyền thống là một quy luật, là điều cần thiết để phù hợp với cuộc sống của con người qua các thời kỳ. Khái niệm “sáng tạo”, “tái cấu trúc” văn hóa truyền thống trong bối cảnh hiện đại đã được dùng khá phổ biến trong nghiên cứu về văn hóa làng trong giai đoạn chuyển đổi. Nhà sử học Eric Hobsbawm và một số nhà nghiên cứu khác nhận định rằng: để tạo ra truyền thống nào đó và đặt nó làm văn hóa thì nó phải trải qua quá

trình lặp đi lặp lại. Sự lặp đi lặp lại của một hiện tượng, nghi lễ sẽ tạo truyền thống. E. Hobsbawn cũng cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc con người sáng tạo truyền thống có điểm xuất phát từ mô hình hiện đại ở phương Tây thế kỷ XIX. Khi xã hội phát triển tạo ra một khoảng trống trong con người, họ cảm thấy chơi vơi, vì thế họ cần có một hệ tư tưởng nào đó để điền vào khoảng trống đó. Sự sáng tạo truyền thống để lấp khoảng trống đầy và tạo sự gắn kết người dân trong nước với nhau, để họ đi theo hệ thống giá trị mới nào đó¹³.

Những biến đổi trong các tập tục ở trên cũng được xem là sự sáng tạo truyền thống có mục đích phục vụ cho lợi ích của cộng đồng, xuất phát từ nhu cầu của con người. Như vậy, khi văn hóa truyền thống vẫn được bảo tồn nhưng không đủ đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng thì như một sự tất yếu sẽ nảy sinh những yếu tố văn hóa mới. Đó cũng chính là lý do mà các vị thần linh khoác trên mình nhiều quyền năng hơn trong xã hội hiện đại và những tập tục đi kèm, cũng đã có nhiều “sáng tạo” so với truyền thống xa xưa.

2.3. Sự phát triển của nền kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thương nghiệp đã góp phần làm gia tăng chức năng của các vị thần. Đặc biệt là chức năng ban tài phát lộc - vốn là chức năng chính của các vị thần tài, cũng được người dân “gán” thêm cho các vị thần, Bồ tát khác như Bồ tát Quan Thế Âm đã phân tích ở trên là một ví dụ rõ nét cho mong ước vô hạn của con người về tài lộc. Vì vậy, không đợi đến ngày “Quan Âm khai khổ” người dân mới đến đây khẩn cầu, mà họ có thể đến bất cứ ngày nào trong năm với nhiều thành phần, nghề nghiệp khác nhau chứ không chỉ là những người kinh doanh, làm ăn buôn bán.

Có thể thấy, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, văn hóa của các tộc người thiểu số ở nước ta có sự biến đổi mạnh mẽ ở mọi khía cạnh đời sống, mà những tập tục của người Hoa cũng nằm trong quá trình biến đổi này. Việc tiếp thu những giá trị văn hóa mới góp phần tạo nên sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa Hoa và văn hóa Việt Nam. Việc tìm hiểu những khả năng thích nghi của cộng đồng Hoa trong sáng tạo văn hóa để có một chiến lược duy trì và phát triển phù hợp là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay, góp phần vào việc hiểu biết một nếp sinh

hoạt văn hóa độc đáo, pha trộn giữa tôn giáo, phong tục tập quán dân tộc và không gian văn hóa vùng Nam Bộ. Giao lưu văn hóa là hiện tượng tất yếu diễn ra trong một khu vực, một vùng đất có sự cộng cư, cận cư lâu dài giữa các tộc người. Trong bối cảnh hiện nay, bộ mặt của đời sống tín ngưỡng của người Hoa đã trở nên đa dạng hơn. Sự biến đổi này, như đã phân tích ở trên, còn quá trình đô thị hóa, cùng với việc quy định về quyền tự do tín ngưỡng đã nêu ra trong *Luật tín ngưỡng, tôn giáo* (2016), sinh hoạt tín ngưỡng của người Hoa ngày càng biến đổi theo xu hướng phong phú hóa, đa dạng hóa.

Nhìn chung, những biến đổi trên đây, ngoài việc mang lại những giá trị tốt đẹp, văn minh, phù hợp với cuộc sống hiện đại thì vẫn còn những tồn tại, hạn chế như mê tín dị đoan, khấn thuê cúng mướn... đi ngược lại truyền thống văn hóa và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được quy định trong *Luật tín ngưỡng, tôn giáo* ở Việt Nam.

Vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu và nhận diện những biến đổi này rất cần thiết được các nhà nghiên cứu quan tâm, nhằm cung cấp cho các ngành chức năng về hoạt động tín ngưỡng không chỉ của cộng đồng người Hoa, mà của nhiều cộng đồng tộc người khác, để từ đó có những khuyến khích hay điều chỉnh phù hợp theo qui định./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem thêm Nguyễn Thái Hòa (2017), “Quan Thế Âm Bồ tát trong tín ngưỡng thần Tài của người Hoa ở thành phố Hồ Chí Minh - trường hợp Ôn Lăng hội quán”, trong sách *Văn hóa dân gian Nam Bộ-Tín ngưỡng dân gian*, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, Hà Nội, tr. 93-94.
- 2 Lưu Cư Thượng (2003), *Phụ phong kỳ thủy*, Quốc tế Hồng Kông - Ma Cao, Ma Cao, tr. 49.
- 3 Tư liệu phỏng vấn bà N.L.C - Thành viên Ban quản trị hội quán, lúc 9g05, ngày 20/2/2020.
- 4 Xem thêm: Nguyễn Thái Hòa (2017), Sđd, tr. 96-97.
- 5 Tư liệu phỏng vấn bà N.L.C - Thành viên Ban quản trị hội quán, lúc 9g05, ngày 20/2/2020.
- 6 Tư liệu phỏng vấn một người dân sống gần hội quán, lúc 10g15, ngày 22/2/2019.
- 7 Bài khấn của người cúng đọc theo phương ngữ Triều Châu.
- 8 Tư liệu phỏng vấn một người cúng thuê ở hội quán Ôn Lăng, lúc 9g30, ngày 22/2/2019.
- 9 Tư liệu phỏng vấn ông H.T.C - Thành viên Ban Quản trị hội quán, lúc 14g15, ngày 22/2/2019.
- 10 Xem thêm: Nguyễn Thái Hòa (2012), “Thần Tài âm phủ là ai?”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 6/2016, tr. 33-37.

- 11 Nguyễn Văn Sanh (chủ biên) (2006), *Văn hóa và nghệ thuật người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh*, Trung tâm Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 57.
- 12 Nguyễn Văn Sanh (chủ biên) (2006), *Sđd*, tr. 57.
- 13 Hobsbawm, E. & Ranger, T. eds (1983), *The invention of tradition*, Cambridge: Cambridge University Press, pp. 1-14.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản trị Hội Quán Ôn Lăng biên soạn (2005), *Kỷ yếu Hội Quán Ôn Lăng*.
2. Hobsbawm, E. & Ranger, T. eds (1983), *The invention of tradition*, Cambridge: Cambridge University Press.
3. Mã Thư Điền, Mã Thư Hiệp (2008), *Toàn tượng Phúc Thọ thần Tài*, Mỹ thuật Giang Tây. Nam Xương.
4. Nguyễn Thái Hòa (2012), “Thần Tài âm phủ là ai?”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 6/2016.
5. Nguyễn Thái Hòa (2017), “Quan Thế Âm Bồ tát trong tín ngưỡng thần Tài của người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh - trường hợp Ôn Lăng hội quán”, trong sách *Văn hóa dân gian Nam Bộ-Tín ngưỡng dân gian*, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, Hà Nội.
6. Chu Thu Lương (2011), *Nghiên cứu chuyện Quan Âm và tín ngưỡng Quan Âm*, Giáo dục trung học Quảng Đông.
7. Nguyễn Văn Sanh (chủ biên) (2006), *Văn hóa và nghệ thuật người Hoa Thành phố Hồ Chí Minh*, Trung tâm Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Phùng Bái Tô (2009), *Từ ái nhân gian - Quảng Đông: Quan Âm dân sanh và Quan Âm khai khổ*, Giáo dục Quảng Đông.
9. Lưu Cư Thượng (2003), *Phụ phong kỳ thủy*, Quốc tế Hồng Kông - Ma Cao, Ma Cao.
10. Huỳnh Thị Thùy Trang (2019), “Biến tướng tập tục đánh kẻ tiểu nhân”, *Báo Văn hóa*, 01/3/2019.
11. Lý Dược Trung (2009), *Thần Tài*, Xã hội Trung Quốc, Bắc Kinh.

Abstract

CHANGES OF THE CHINESE CUSTOMS AT ÔN LĂNG TEMPLE, HO CHI MINH CITY

Nguyen Thai Hoa

Heritage Faculty, the HCM Cultural University

Huynh Thi Thuy Trang

The Cultural Press, Ho Chi Minh City

Over hundred years of settling in a new land, the Chinese community in Ho Chi Minh City has preserved its cultural practices. However, as a result of many impacts of socio-cultural context, environment, climate, economic situation, these customs have changed in comparison to those in China in the past. This study was mainly conducted in the Ôn Lăng temple (assembly hall) through surveys, interviews, and data. It showed the transformation of some customs.

Keywords: Transformation; culture; belief; Chinese; Ho Chi Minh City.